



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chập Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chập Sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chập Sáng: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng
- Mua bán thiết bị điện tử
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Kim Quyên	Phó Chủ tịch (từ nhiệm 29/08/2012)
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

---

## 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty

## 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG TRUNG**



Số: 13.308A/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Công ty cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chíp Sáng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**KI. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGÔ THANH BÌNH**

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG**  
**BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.785.628.690</b>	<b>50.141.385.911</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>3.843.362.773</b>	<b>47.866.797.925</b>
1. Tiền	111		1.043.362.773	1.473.464.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.800.000.000	46.393.333.333
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>13.500.000.000</b>	--
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15.260.000.000	1.760.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.3	<b>6.347.025.701</b>	<b>787.403.465</b>
1. Phải thu khách hàng	131		8.313.132.788	2.795.061.495
2. Trả trước cho người bán	132			14.850.000
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.210.921.164	1.154.520.221
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>6.774.324.263</b>	<b>1.020.904.483</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.774.324.263	1.020.904.483
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>320.915.953</b>	<b>466.280.038</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.625.151	135.154.071
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		221.819.302	80.262.228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			156.005.703
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		70.471.500	94.858.036

(phần tiếp theo trang 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.434.495.602</b>	<b>35.013.098.247</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>90.037.262</b>	<b>374.153.755</b>
1 TSCĐ hữu hình	221	5.5	82.092.812	357.542.641
+ Nguyên giá	222		753.570.324	997.192.260
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(671.477.512)	(639.649.619)
2 TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3 TSCĐ vô hình	227	5.6	7.944.450	16.611.114
+ Nguyên giá	228		57.600.000	57.600.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.655.550)	(40.988.886)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.7	<b>47.796.340.000</b>	<b>32.941.540.000</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		8.796.340.000	2.941.540.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		49.752.000.000	40.752.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.548.118.340</b>	<b>1.697.404.492</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		124.578.980	260.082.518
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.6	214.239.360	228.021.974
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	1.209.300.000	1.209.300.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>80.220.124.292</b>	<b>85.154.484.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.562.565.686</b>	<b>4.994.246.765</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.743.291.576</b>	<b>1.128.378.005</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		2.061.807.668	587.192.897
3. Người mua trả tiền trước	313		354.507.729	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.9	570.857.356	42.697.133
5. Phải trả người lao động	315	5.10	317.237.464	131.442.478
6. Chi phí phải trả	316		259.261.548	113.670.094
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		179.619.811	253.375.403
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.819.274.110</b>	<b>3.865.868.760</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.11	3.058.500.000	3.058.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			8.950.957
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.12	760.774.110	798.417.803
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>72.657.558.606</b>	<b>80.160.237.393</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13.1	<b>72.657.558.606</b>	<b>80.160.237.393</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13.2	80.290.800.000	80.290.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		374.000.000	374.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.140.610.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.953.438	35.953.438
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.984.480	11.984.480
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.984.480	11.984.480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.073.446.208	(564.485.005)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>80.220.124.292</b>	<b>85.154.484.158</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		117.184.726	117.184.726
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			113.957.236
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD		8.245,27	1.622,07
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM THỊ PHƯƠNG THU**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN QUANG TRUNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		26.465.550.661	14.593.405.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.552.124	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	26.412.998.537	14.593.405.783
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.031.981.840	11.030.705.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.381.016.697	3.562.699.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.597.580.492	7.589.013.505
7 Chi phí tài chính	22		32.254.044	1.238.389.317
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.817.123	
8. Chi phí bán hàng	24		207.292.449	175.351.947
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	4.957.015.423	7.608.940.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.782.035.273	2.129.031.916
11 Thu nhập khác	31		373.490.819	1.538.007
12 Chi phí khác	32		169.084.810	
13 Lợi nhuận khác	40		204.406.009	1.538.007
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.986.441.282	2.130.569.923
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	1.334.727.455	484.817.689
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.6	13.782.614	99.576.326
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.637.931.213	1.546.175.908

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG TRUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.986.441.282	2.130.569.923
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		141.702.592	186.041.196
Các khoản dự phòng	03			3.455.919.776
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.449.386.143)	(7.559.109.495)
Chi phí lãi vay	06		12.817.123	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.691.574.854</b>	<b>(1.786.578.600)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.576.287.071)	(245.884.713)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.753.419.780)	(981.452.257)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.796.981.705	(148.184.865)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		242.032.458	119.777.221
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.817.123)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(645.290.239)	(546.407.695)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		55.500.000	80.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(18.000.000)	(22.539.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.219.725.196)</b>	<b>(3.531.270.809)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.670.909)	(210.988.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		160.562.654	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(13.500.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.854.800.000)	(2.941.540.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.457.908.299	7.659.307.783
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(24.762.999.956)</b>	<b>4.506.779.509</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(11.040.710.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.500.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.500.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.040.710.000)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(44.023.435.152)</b>	<b>975.508.700</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>47.866.797.925</b>	<b>46.891.289.225</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>3.843.362.773</b>	<b>47.866.797.925</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM THỊ PHƯƠNG THU****TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN QUANG TRUNG**


# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chập Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chập Sáng: Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng
- Mua bán thiết bị điện tử
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### **4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với mặt hàng thể cào điện thoại) và giá đích danh (đối với mặt hàng điện thoại di động).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dư phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
+ Phần mềm máy vi tính	2 năm

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành. Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	69.775.654	1.197.972
Tiền gửi ngân hàng	973.587.119	1.472.266.620
Các khoản tương đương tiền	2.800.000.000	46.393.333.333
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.843.362.773</b>	<b>47.866.797.925</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	13.500.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	1.760.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>15.260.000.000</b>	<b>1.760.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>-</b>

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam vay – Xem thêm mục 7

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	8.313.132.788	2.795.061.495
Trả trước cho người bán	-	14.850.000
Các khoản phải thu khác	1.210.921.164	1.154.520.221
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>9.524.053.952</b>	<b>3.964.431.716</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>6.347.025.701</b>	<b>787.403.465</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 2.347.598.974 đồng – Xem thêm mục 7

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi và cho vay	958.083.333	1.092.391.851
Các khoản phải thu khác	252.837.831	62.128.370
<b>Cộng</b>	<b>1.210.921.164</b>	<b>1.154.520.221</b>

Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 861.900.000 đồng – Xem thêm mục 7

**5.4. Hàng tồn kho**

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.386.944.851	13.484.800
Công cụ, dụng cụ	55.000	-
Hàng hóa	5.387.324.412	1.007.419.683
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>6.774.324.263</b>	<b>1.020.904.483</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>6.774.324.263</b>	<b>1.020.904.483</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	383.564.410	423.828.804	189.799.046	997.192.260
Mua trong năm	11.180.909	-	15.490.000	26.670.909
Thanh lý, nhượng bán	(127.726.072)	-	(142.566.773)	(270.292.845)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>267.019.247</b>	<b>423.828.804</b>	<b>62.722.273</b>	<b>753.570.324</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	261.589.840	335.531.131	42.528.648	639.649.619
Khấu hao trong năm	32.019.504	70.638.132	30.378.292	133.035.928
Thanh lý, nhượng bán	(55.479.275)	-	(45.728.760)	(101.208.035)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>238.130.069</b>	<b>406.169.263</b>	<b>27.178.180</b>	<b>671.477.512</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	121.974.570	88.297.673	147.270.398	357.542.641
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>28.889.178</b>	<b>17.659.541</b>	<b>35.544.093</b>	<b>82.092.812</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 179.853.719 đồng.

**5.6. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

**5.7. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	8.796.340.000	2.941.540.000
Đầu tư vào công ty liên kết	49.752.000.000	40.752.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>58.548.340.000</b>	<b>43.693.540.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>47.796.340.000</b>	<b>32.941.540.000</b>

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov với tỷ lệ góp vốn là 70% vốn điều lệ.

Đầu vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	10.752.000.000	10.752.000.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	39.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.752.000.000</b>	<b>40.752.000.000</b>

Dự phòng giảm giá đầu tư là khoản dự phòng cho Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.8. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ thuê văn phòng – Xem thêm mục 7.

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.431.513	-
Thuế thu nhập cá nhân	37.425.843	42.697.133
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>570.857.356</u></b>	<b><u>42.697.133</u></b>

**5.10. Phải trả người lao động**

Là khoản lương tháng 13 và thưởng năm 2012 còn phải trả.

**5.11. Phải trả dài hạn khác**

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược cho thuê mặt bằng. Trong đó, khoản ký quỹ các bên liên quan là 80.000.000 đồng – Xem thêm mục 7

**5.12. Doanh thu chưa thực hiện**

Là khoản khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng.

*(phần tiếp theo trang 18)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.13. Vốn chủ sở hữu**

**5.13.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	80.290.800.000	374.000.000	-	35.953.438	11.984.480	11.984.480	(2.110.660.913)	78.614.061.485
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.546.175.908	1.546.175.908
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>		<b>35.953.438</b>	<b>11.984.480</b>	<b>11.984.480</b>	<b>(564.485.005)</b>	<b>80.160.237.393</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.637.931.213	3.637.931.213
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(11.140.610.000)	-	-	-	-	(11.140.610.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>	<b>(11.140.610.000)</b>	<b>35.953.438</b>	<b>11.984.480</b>	<b>11.984.480</b>	<b>3.073.446.208</b>	<b>72.657.558.606</b>

Trong năm 2012, Công ty đã mua lại cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCG/2012 của Đại hội đồng cổ đông với số lượng 1.114.061 cổ phiếu và giá mua là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	21.965.000.000	21.965.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	58.325.800.000	58.325.800.000
Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.150.190.000</b>	<b>80.290.800.000</b>

**5.13.3. Cổ phần**

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	1.114.061	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	6.915.019	8.029.080
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	14.037.634.069	2.288.412.882
Doanh thu cho thuê văn phòng	10.555.918.569	10.801.374.004
Doanh thu khác	1.871.998.023	1.503.618.897
Hàng bán trả lại	(52.552.124)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>26.412.998.537</b>	<b>14.593.405.783</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.877.381.932	2.114.791.918
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.326.307.852	7.119.617.287
Giá vốn khác	3.828.292.056	1.796.296.644
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.031.981.840</b>	<b>11.030.705.849</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

**6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.351.144.234	3.385.214.025
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	173.789.199	201.963.303
Chi phí khấu hao	115.415.015	151.004.815
Thuế, phí và lệ phí	19.937.554	-
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.223.919.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.736.083	888.664.813
Chi phí bằng tiền khác	739.993.338	758.173.527
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.957.015.423</b>	<b>7.608.940.259</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.986.441.282	2.130.569.923
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.264.556.434	1.348.035.805
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(912.087.897)	(1.310.393.201)
Chuyển lỗ	-	(228.941.773)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.338.909.819	1.939.270.754
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.334.727.455	484.817.689
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>1.334.727.455</b>	<b>484.817.689</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

Số dư đầu năm trước	327.598.300
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(99.576.326)
Số dư đầu năm nay	<b>228.021.974</b>
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(13.782.614)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>214.239.360</b>

Tài sản TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	214.239.360	228.021.974
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>214.239.360</b>	<b>228.021.974</b>

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.789.199	201.963.303
Chi phí nhân công	3.351.144.234	3.385.214.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.702.592	186.041.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.034.272.659	11.919.370.662
Chi phí khác bằng tiền	4.495.381.028	3.122.408.869
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.196.289.712</b>	<b>18.814.998.055</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
2. Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sài Gòn Co-op	Công ty có cùng cổ đông sáng lập
5. Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay – Xem thêm mục 5.2	1.760.000.000	1.760.000.000
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	3.209.498.974	3.260.041.744
Ký quỹ - Xem thêm mục 5.8	1.209.300.000	1.209.300.000
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	(80.000.000)	(80.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.098.798.974</b>	<b>6.149.341.744</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	5.810.043.988	5.647.727.273
Bán hàng	3.168.354.038	657.144.542
Cung cấp dịch vụ	430.251.976	177.437.175
Bán tài sản	217.151.249	-
Góp vốn	14.854.800.000	2.941.540.000

- Thu lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban quản lý:

	Năm nay	Năm trước
Thu lao Hội đồng quản trị và thu nhập Ban quản lý	834.975.600	678.111.475

### 8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.810.043.987	5.647.727.273

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	6.248.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.057.175.000	8.851.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.057.175.000</b>	<b>15.100.300.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.843.362.773	47.866.797.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.094.187.870	710.425.095
Đầu tư ngắn hạn	13.500.000.000	-
Tài sản tài chính khác	1.243.000.000	1.280.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.680.550.643</b>	<b>49.857.723.020</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	-5.246.464.668	3.844.499.897
Chi phí phải trả	259.261.548	113.670.094
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.505.726.216</b>	<b>3.958.169.991</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	66.590,40	-	8.245,27	1.622,07

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	2.187.964.668	3.058.500.000	5.246.464.668
Chi phí phải trả	259.261.548	-	259.261.548
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	785.999.897	3.058.500.000	3.844.499.897
Chi phí phải trả	113.670.094	-	113.670.094

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.094.187.870	-	6.094.187.870
Đầu tư khác	13.500.000.000	-	13.500.000.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	710.425.095	-	710.425.095
Tài sản tài chính khác	71.200.000	1.209.300.000	1.280.500.000

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**PHẠM THỊ PHƯƠNG THU**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG TRUNG**